TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2024/KDTM-ST
Ngày: 09/7/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Chương

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 21/TLST-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2617/2024/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 8075/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Công ty TNHH HA;** Địa chỉ: No.13, Ln.47, Z Rd., X Vil., Ch City, Ch County 50053, Taiwan (R.O.C.)

Đại diện ủy quyền: Ông Đỗ Ph, sinh năm 1955; Địa chỉ: 23 NSHL, Phường QP, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền số 18 ngày 24/5/2023) - có mặt

- ***Bị đơn:*** **Công ty TNHH Cơ khí HT;** Địa chỉ: 389 VĐT, phường BTĐ B, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1983; Địa chỉ: 18.02 Block C, C/c CTTMDV-VP, 510 KDV, phường AL A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** **bà Trần Lê Phương Đ**; Địa chỉ: 129 DTG, Phường QW, Quận T, TP Hồ Chí Minh; Tạm trú: B107 Căn hộ NL, số 66 Đường 57, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - Công ty TNHH HA trình bày như sau:

Công ty TNHH HA và Công ty TNHH Cơ khí HT có giao kết với nhau các hợp đồng sau đây:

(1) Hợp đồng mua bán số VN151109 ngày 02 tháng 12 năm 2015, khối lượng 30.500 tấm nhôm, trị giá 48.696,69 USD, (2) Hợp đồng mua bán số VN10-1201/15 ngày 05 tháng 12 năm 2015, khối lượng 20.000 tấm nhôm, trị giá 27.699,64 USD, (3) Hợp đồng mua bán số VN11-1203/15 ngày 21 tháng 12 năm 2015, khối lượng 28.000 tấm nhôm, trị giá 39.696,63 USD, (4) Hợp đồng mua bán số VN01-0101-16 ngày 03 tháng 03 năm 2016, khối lượng 12.000 tấm nhôm, trị giá 21.647,53 USD, (5) Hợp đồng mua bán số VN02-TP-0102-16 ngày 08 tháng 03 năm 2016, khối lượng 15.000 tấm nhôm, trị giá 27.095,4 USD. Tổng giá trị 05 hợp đồng là 164.835,89 USD.

Công ty TNHH HA đã giao hàng cho Công ty TNHH Cơ khí HT theo đúng các hợp đồng nhưng không được phía Công ty TNHH Cơ khí HT thực hiện thanh toán tiền mua hàng. Ngày 16/12/2022, Công ty TNHH Cơ khí HT và thành viên công ty là bà Trần Lê Phương Đ có văn bản xác nhận số tiền phải thanh toán 164.835,89 USD tương đương 3.800.000.000 đồng và cam kết thanh toán nợ cho Công ty TNHH HA trước ngày 31 tháng 01 năm 2023 nhưng đến nay chưa thực hiện.

Công ty TNHH HA yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Cơ khí HT thanh toán tiền hàng 164.835,89 USD quy đổi thành tiền Việt Nam đồng là 3.8000.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo pháp luật Việt Nam (lãi suất bình quân 7%/năm x 7 năm = 49% x 3.800.000.000đ = 1.862.000.000đ).

Bị đơn: Công ty TNHH Cơ khí HT không đến tòa và không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Lê Phương Đ trình bày tại biên bản làm việc ngày 27/9/2023 như sau:

Công ty TNHH Cơ khí HT có 02 thành viên góp vốn gồm ông Nguyễn Minh S là người đại diện theo pháp luật của công ty và bà Trần Lê Phương Đ với tỉ lệ vốn góp là 20%. Bà Đ xác nhận:

- Công ty HT có ký 05 hợp đồng mua bán với Công ty TNHH HA với tổng giá trị các hợp đồng là 164.835,89 USD như nguyên đơn trình bày.

- Ngày 16/12/2022 Bà Đ và Công ty HT, Công ty HA có ký biên bản thỏa thuận và cam kết, có nội dung:

(1) Sau khi xem xét toàn bộ hợp đồng, giao dịch và đối chiếu công nợ

giữa bên A (Công ty HA) và bên B (Công ty HT) theo thông báo ngày 19/10/2021 của bên A, số tiền còn lại bên B phải thanh toán cho bên A là 3.800.000.000 VNĐ tương đương 164.835,89 USD.

(2) Sau khi bên A, bên B và bên C (bà Trần Lê Phương Đ) đọc và hiểu rõ các quyền lợi và nghĩa vụ phát sinh từ thỏa thuận này, nay các bên đồng ý để bên C thanh toán toàn bộ số tiền bên C nợ bên B là 3.000.000.000 đồng VNĐ trước ngày 31/01/2023.

(3) Nếu bên C không thanh toán 3.000.000.000 VNĐ cho bên B trước ngày 31/01/2023 thì bên C đồng ý sử dụng 20% vốn góp của mình tại bên B như là khoản thanh toán tiền nợ mà bên B nợ bên A.

Nhưng sau đó các bên không thực hiện đúng cam kết nêu trên. Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty HA thì Bà Đ xác nhận Công ty HT đến nay còn nợ Công ty HA số tiền là 164.835,89 USD, Công ty HT đồng ý trả nợ, tuy nhiên hiện tại hoạt động khó khăn, đề nghị nguyên đơn xem xét, gia hạn thời gian trả nợ gốc nêu trên và đề nghị xem xét miễn lãi.

Công ty HT, bà Trần Lê Phương Đ đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/03/2024, ngày 06/5/2024, nên thuộc trường hợp vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Người đại diện nguyên đơn trình bày: Việc giao hàng cho bị đơn thể hiện như sau:

(1) Hợp đồng mua bán số VN151109 ngày 02/12/2015, khối lượng 30.500 tấm nhôm, giá trị 48.645USD: Nguyên đơn đã gửi hàng ngày 4/12/2015 đính kèm bộ chứng từ invoice 48.696,69 USD (hoá đơn) packing list, (đóng gói hàng) Bill of lading (vận đơn) thể hiện nhận hàng cảng Cát Lái ngày 7/12/2015.

(2) Hợp đồng mua bán số VN10-1201/15 ngày 05/12/2015, khối lượng 20.000 tấm nhôm, giá trị 27.687,1USD: Nguyên đơn đã gửi hàng ngày 15/01/2016 đính kèm bộ chứng từ invoice 27.699,64 USD (hoá đơn) packing list, (đóng gói hàng) Bill of lading (vận đơn) thể hiện nhận hàng Cảng Cát Lái 16/1/2016.

(3) Hợp đồng mua bán số VN11-1203/15 ngày 21/12/2015, khối lượng 28.000 tấm nhôm, giá trị 39.641,2 USD: Nguyên đơn đã gửi hàng ngày 21/01/2016 đính kèm bộ chứng từ invoice 39.696,63 USD (hoá đơn) packing list, (đóng gói hàng) Bill of lading (vận đơn) thể hiện nhận hàng cảng Cát Lái 23/1/2016.

(4) Hợp đồng mua bán số VN01-0101-16 ngày 03/03/2016, khối lượng 12.000 tấm nhôm, trị giá 21.647,53 USD: Nguyên đơn đã gửi hàng ngày 8/3/2016 đính kèm bộ chứng từ invoice (hoá đơn) packing list, (đóng gói hàng) Bill of lading (vận đơn) thể hiện nhận hàng Cảng Cát Lái 26/3/2016.

(5) Hợp đồng mua bán số VN02-TP-0102-16 ngày 08/03/2016, khối lượng 15.000 tấm nhôm, giá trị 27.000USD: Nguyên đơn đã gửi hàng ngày 11/3/2016 đính kèm bộ chứng từ invoice 27.095,4 USD (hoá đơn) packing list, (đóng gói hàng) Bill of lading (vận đơn) thể hiện nhận hàng Cảng Cát Lái 12/3/2016.

Về giá trị thanh toán thực tế có thay đổi do số lượng giữa hợp đồng và thực tế giao nhận có thay đổi theo quy định +/- 10%.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền mua hàng là 164.835,89 USD đồng, rút yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả số tiền 1.862.000.000 đồng.

Phía Công ty HT, bà Trần Lê Phương Đ vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng quy định.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với tài liệu chứng cứ trong vụ án nên có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 164.835,89 USD đồng và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả số tiền 1.862.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH HA (sau đây gọi là nguyên đơn) khởi kiện Công ty TNHH Cơ khí HT (sau đây gọi là bị đơn) yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ của các hợp đồng mua bán, đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại. Nguyên đơn là pháp nhân có quốc tịch và trụ sở tại Đài Loan, bị đơn là pháp nhân Việt Nam có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên tranh chấp có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa một bên là pháp nhân có Quốc tịch Đài Loan và một bên là pháp nhân có quốc tịch Việt Nam. Nên là quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 2

Điều 663 Bộ luật Dân sự 2015. Việc xác định pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Điều 664 Bộ luật Dân sự 2015 như sau:

"1. Pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được xác định theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc luật Việt Nam.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc luật Việt Nam có quy định các bên có quyền lựa chọn thì pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được xác định theo lựa chọn của các bên.

3. Trường hợp không xác định được pháp luật áp dụng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì pháp luật áp dụng là pháp luật của nước có mối liên hệ gắn bó nhất với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài đó."

Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng mua bán hàng hóa thì Việt Nam chưa là thành viên của bất kỳ công ước nào về mua bán hàng hóa quốc tế nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 664 Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật Việt Nam là nơi phát sinh tranh chấp để giải quyết tranh chấp của các bên. Cụ thể là áp dụng Luật Thương mại 2005 (Luật Thương mại) để giải quyết tranh chấp.

[3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Công ty TNHH HA tham gia tố tụng là nguyên đơn, do ông Đỗ Ph là người đại diện theo giấy ủy quyền số 18 ngày 24/5/2023;

Công ty TNHH Cơ khí HT tham gia tố tụng là bị đơn, do ông Nguyễn Minh S là người đại diện theo pháp luật;

Bà Trần Lê Phương Đ tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về thủ tục tống đạt đối với bị đơn:

[4.1] Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Giấy chứng nhận danh ký doanh nghiệp do Tòa án thu thập thì Công ty TNHH Cơ khí HT có trụ sở tại 389 VĐT, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, có người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Minh S địa chỉ thường trú và liên lạc tại 18.02 Block C, C/c CTTMDV-VP, 510 KDV, phường AL A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

[4.2] Tại các biên bản về việc không thực hiện được việc giao văn bản và các biên bản niêm yết công khai do Văn phòng Thừa phát lại Quận 1 lập ngày 13/03/2024, ngày 02/4/2024, ngày 15/4/2024, ngày 23/5/2024 đều thể hiện: "*Có bảng hiệu công ty nhưng không có nhân viên làm việc tại đây. Không gặp được người đại diện theo pháp luật*". Nhận thấy, việc tống đạt văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp, Giấy triệu tập, Thông báo kết

quả phiên họp công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Công ty HT trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục niêm yết là đúng quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.3] Đồng thời, Tòa án cũng đã thực hiện tống đạt văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp, Giấy triệu tập, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người đại diện theo pháp luật của Công ty HT là ông Nguyễn Minh S tại địa chỉ liên lạc số 18.02 Block C, C/c CTTMDV-VP, 510 KDV, phường AL A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. Các văn bản tố tụng này đều được Ban quản lý tòa nhà nhận thay và cam kết giao lại theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 178 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về thủ tục tống đạt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[5.1] Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Tòa án thu thập thì bà Trần Lê Phương Đ có địa chỉ thường trú tại 129 DTG, Phường QW, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại biên bản làm việc ngày 27/9/2023 do Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh lập thì Bà Đ cung cấp địa chỉ tạm trú tại B107 chung cư NL, số 66 Đường 57, phường TT, quận BT và địa chỉ liên lạc tại 389 VĐT, phường BTĐ, quận BT. Tuy nhiên theo kết quả xác minh tại Công An phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân ngày 11/4/2024 thì Bà Đ không cư ngụ tại 389 VĐT, phường BTĐ, quận BT và theo kết quả xác minh tại Công An phường Tân Tạo, quận Bình Tân thì Bà Đ hiện cư trú tại B107 chung cư NL, số 66 Đường 57, phường TT, quận BT. Do vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho Bà Đ tại B107 chung cư NL, số 66 Đường 57, phường TT, quận BT và địa chỉ thường trú tại 129 DTG, Phường QW, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.2] Về thực hiện thủ tục tống đạt đối với Bà Đ: Tòa án đã thực hiện cấp tống đạt cho Bà Đ thông qua Văn phòng Thừa phát lại Quận 1 và Văn phòng Thừa phát lại Quận 5 các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp, Giấy triệu tập, Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/03/2024, ngày 06/4/2024 và ngày 06/5/2024; đồng thời Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử ngày 13/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần 2 ngày 09/7/2024 nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Lê Phương Đ mặc dù có đến làm việc

và trình bày ý kiến tại Tòa án nhân dân Quận 5 Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản làm việc ngày 27/9/2023 nhưng sau đó không đến tòa). Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[7] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng là 164.835,89 USD, rút yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả số tiền 1.862.000.000 đồng.

[8] Theo nguyên đơn trình bày việc mua bán được tiến hành thông qua đơn đặt hàng do bị đơn gửi, sau đó các bên tiến hành ký hợp đồng với nhau và nguyên đơn gửi hàng cho bị đơn, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày giao hàng. Các tài liệu do nguyên đơn cung cấp để chứng minh là:

(1) phiếu đặt hàng ngày 30/9/2015, Hợp đồng mua bán số VN151109 ngày 02/12/2015, Hóa đơn thương mại ngày 04/12/2015, bảng kê hàng hóa ngày 04/12/2015, chứng nhận xuất xứ ngày 04/12/2015, tờ khai xuất khẩu, Vận đơn gửi hàng ngày 07/12/2015; Chứng nhận bảo hiểm hàng hóa ngày 04/12/2015;

(2) phiếu đặt hàng ngày 25/11/2015, Hợp đồng mua bán số VN10-1201/15 ngày 05/12/2015, Hóa đơn thương mại ngày 15/01/2016, bảng kê hàng hóa ngày 15/01/2016, chứng nhận xuất xứ ngày 15/01/2016, tờ khai xuất khẩu, Vận đơn gửi hàng ngày 16/01/2016; Chứng nhận bảo hiểm hàng hóa ngày 15/01/2016;

(3) phiếu đặt hàng ngày 19/12/2015, Hợp đồng mua bán số VN11-1203/15 ngày 21/12/2015, Hóa đơn thương mại ngày 21/01/2016, bảng kê hàng hóa ngày 21/12/2016, tờ khai xuất khẩu, chứng nhận xuất xứ ngày 21/01/2016, Vận đơn gửi hàng ngày 23/01/2016;

(4) phiếu đặt hàng ngày 23/02/2016, Hợp đồng mua bán số VN01-0101-16 ngày 03 tháng 03 năm 2016, Hóa đơn thương mại ngày 11/03/2016, bảng kê hàng hóa ngày 11/03/2016, chứng nhận xuất xứ ngày 11/02/2016, tờ khai xuất khẩu, Vận đơn gửi hàng ngày 26/03/2016, Chứng nhận bảo hiểm hàng hóa ngày 25/03/2016;

(5) phiếu đặt hàng ngày 19/01/2016, Hợp đồng mua bán số VN02-TP-0102-16 ngày 08/03/2016 , Hóa đơn thương mại ngày 8/03/2016, bảng kê hàng hóa ngày 8/03/2016, chứng nhận xuất xứ ngày 25/03/2016, Chứng nhận bảo hiểm hàng hóa ngày 21/02/2016, tờ khai xuất khẩu, Vận đơn gửi hàng ngày 12/03/2016;

[9] Xét các tài liệu do nguyên đơn xuất trình (nêu tại đoạn [7]) bằng tiếng nước ngoài đã được dịch, chứng thực và hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xác định là chứng cứ vụ án theo quy định tại Điều 93, Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đưa ra chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét

xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[11] Nhận thấy, lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với tài liệu chứng cứ đã nộp nên có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch mua bán hàng hóa là "tấm kim loại" với nhau. Cụ thể nguyên đơn và bị đơn đã ký kết 05 Hợp đồng mua bán gồm: (1) Hợp đồng mua bán số VN151109 ngày 02/12/2015, (2) Hợp đồng mua bán số VN10-1201/15 ngày 05/12/2015, (3) Hợp đồng mua bán số VN11-1203/15 ngày 21/12/ 2015, (4) Hợp đồng mua bán số VN01-0101-16 ngày 03/03/2016, (5) Hợp đồng mua bán số VN02-TP-0102-16 ngày 08/03/2016. Các hợp đồng này có hình thức phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Thương mại, có nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực. Theo hợp đồng thì nguyên đơn bán, bị đơn mua hàng hóa là tấm kim loại (nhôm và thiếc) có thông số, quy cách theo chủng loại, số lượng được nêu cụ thể trong từng hợp đồng. Thời hạn thanh toán là trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng, phương thức thanh toán: bằng hình thức chuyển khoản. Việc nguyên đơn đã thực hiện giao hàng cho bị đơn thể hiện qua 05 bộ chứng từ gồm: Phiếu đặt hàng ngày, Hợp đồng mua bán, hóa đơn thương mại, bảng kê hàng hóa, chứng nhận xuất xứ, chứng nhận bảo hiểm hàng hóa, tờ khai xuất khẩu, vận đơn gửi hàng. Tổng số tiền theo 05 hóa đơn thương mại do nguyên đơn xuất cho bị đơn là 164.835,89 USD là phù hợp với các chứng cứ về giao nhận giữa các bên. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn được bị đơn xác nhận tại văn bản "thỏa thuận và cam kết ngày 16/12/2022" được ký giữa nguyên đơn và 02 thành viên của bị đơn là ông Nguyễn Minh S là đại diện theo pháp luật của bị đơn và bà Trần Lê Phương Đ là thành viên, văn bản có nội dung như sau: "*Sau khi xem xét toàn bộ hợp đồng, giao dịch và đối chiếu công nợ giữa bên A (Công ty HA) và bên B (Công ty HT) theo thông báo ngày 19/10/2021 của bên A, số tiền còn lại bên B phải thanh toán cho bên A là 3.800.000.000 VNĐ tương đương 164.835,89 USD*". Do sau đó bị đơn không thanh toán tiền mua hàng như cam kết nên nguyên đơn nộp đơn khởi kiện. Tại biên bản làm việc ngày 27/9/2023 do Tòa án nhân dân Quận 5 lập, thì bà Trần Lê Phương Đ cũng đã xác nhận bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn số tiền như trên, do đó có cơ sở để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số 164.835,89 USD. Như vậy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng trong 1 khoảng thời gian dài làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay số tiền mua hàng còn nợ là phù hợp nên được chấp nhận.

[12] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 164.835,89 USD bằng ngoại tệ cho nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy việc thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn là "giao dịch vãng lai" theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 Pháp lệnh ngoại hối. Đồng thời, theo quy định của Điều 6, Điều 7 pháp lệnh thì bị đơn là người cư trú tại Việt Nam được mua ngoại tệ tại tổ chức tín dụng để thanh toán nhập khẩu hàng hóa cho nguyên đơn là người không cư trú tại Việt Nam. Do vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn

phải trả số tiền 164.835,89 USD bằng ngoại tệ là phù hợp quy định của Pháp lệnh ngoại hối nên được chấp nhận.

[13] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả với số tiền là 1.862.000.000 đồng, do vậy căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu đã rút.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền 164.835,89 USD quy đổi theo tỉ giá Vietcombank công bố ngày 09/7/2024 là 4.153.864.428 VNĐ, nên tiền án phí phải chịu là 112.154.000 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.930.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0010737 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH HA buộc Công ty TNHH Cơ khí HT phải trả tiền lãi chậm thanh toán với số tiền là 1.862.000.000 đồng.

Hậu quả của việc đình chỉ: Công ty TNHH HA được khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH HA:

Buộc Công ty TNHH Cơ khí HT phải thanh toán cho Công ty TNHH HA số tiền 164.835,89 USD.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH HA cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Cơ khí HT còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại:

Công ty TNHH Cơ khí HT phải chịu án phí là 112.154.000 đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH HA số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 33.930.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0010737 ngày 12/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH HA có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Cơ khí HT, bà Trần Lê Phương Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Nhàn